TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2023/DS-PT
Ngày: 23-11-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Bà Trần Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 135/2023/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 687/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số nhà 4/2, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 5/3, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 20 tháng 3 năm 2023).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Tất Q, sinh năm 1986;

2. Bà Trần Thị Thúy Th, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Số nhà 10, Ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số nhà 7, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (các Giấy ủy quyền ngày 26 tháng 6 năm 2023).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Tất Q và bà Trần Thị Thúy Th - Bị đơn.

(Bà H có mặt; bà N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2023 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T *do bà Nguyễn Thị Mỹ H đại diện trình bày:*

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2022 ông Nguyễn Tất Q, bà Trần Thị Thúy Th có vay của ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác là Út L) với số tiền là 1.050.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) để làm kho thanh long, hai bên không thỏa thuận lãi, hẹn đến ngày 01 tháng 12 năm 2022 sẽ trả gốc nhưng đến hẹn ông Q, bà Th không trả. Do đó, ông T yêu cầu ông Q, bà Th liên đới trả cho ông T số tiền gốc là 1.050.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 02 tháng 12 năm 2022 Âm lịch (Dương lịch là ngày 24 tháng 12 năm 2022) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16 tháng 8 năm 2023 là 7 tháng, 22 ngày mức lãi là 10%/năm. Đồng thời, ông T yêu cầu tính lãi chậm thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Tất Q trình bày:

Xuất phát từ việc mẹ vợ của ông vay tiền của bà Hồng là vợ của ông T (ông T tên gọi khác là ông Út L) vay trước đó đến ngày 25 tháng 02 năm 2021 xác định tiền gốc là 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng) vay hai lần: 1 lần số tiền là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) và một lần số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), mức lãi là 7,5%/tháng, do kinh tế khó khăn nên cấn trừ qua tiền hụi, sau đó bà Th trả 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) đưa trực tiếp cho ông T, không có làm biên nhận nhưng có chụp hình; ông trả 2 lần: một lần trả số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) là đưa tiền mặt cho bà Hồng và 1 lần trả số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) thì ông chuyển khoản cho bà Hồng; mẹ vợ của ông trả số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), gồm 2 lần: một lần 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và một lần 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) đưa cho bà Hồng, không chụp hình, không có biên nhận, tổng cộng đã trả là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), đến khi viết giấy nhận nợ thì xác định số tiền ông ký giấy là 1.050.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) đến thời điểm ông T sắp đi Mỹ thì ông T yêu cầu ông viết giấy nhận nợ gồm cả hai vợ chồng là giấy ngày 12 tháng 7 năm 2022 để ông T đi Mỹ an tâm. Do đó, ông và bà Th viết giấy nợ cho ông T. Đồng thời, ông T hứa hẹn với ông trong thời gian 2 năm, ông sẽ trả ông T, khi đó ông T sẽ giảm từ 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) đến 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), khi viết giấy thì ông T cùng một người tên là ông Võ Văn L1 và có mẹ vợ của ông.

Do đó, ông và bà Th chỉ ông ý trả cho ông T số tiền là 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng), trong thời hạn là 2 năm sẽ trả cho ông T như ông T, bà Hồng đã hứa với ông.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 8 năm 2023, ông Q xác định: Vợ chồng ông trả cho ông T 2 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Bà Th trả cho ông T 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) nhưng không có biên bản giao nhận tiền chỉ có chụp hình ông T cầm số tiền nêu trên.

Lần thứ hai: Ông Q chuyển cho ông T số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản của bà Hồng là vợ của ông T ngày 16 tháng 11 năm 2021.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, ông T chuẩn bị đi Mỹ nên yêu cầu vợ chồng ông viết giấy nhận nợ với số tiền là 1.050.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng), khi viết giấy nhận nợ thì ông T có hứa sẽ cho vợ chồng ông thời gian 2 năm từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 7 năm 2024 trả nợ và sẽ giảm cho vợ chồng ông số tiền từ 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) đến 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Q, bà Th xác định: Ông Q và bà Th chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền gốc là 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng) và xin giảm toàn bộ tiền lãi.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, Tòa án thông báo số 173/TB-TA yêu cầu ông Q, bà Th cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ về ông Q, bà Th đã trả tiền cho ông T và tống đạt hợp lệ nhưng hết thời hạn, ông Q, bà Th không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo Thông báo nêu trên. Do đó Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định chung của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 135/2023/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc buộc ông Nguyễn Tất Q, bà Trần Thị Thúy Th trả tiền vay.

Buộc ông Nguyễn Tất Q, bà Trần Thị Thúy Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền là 1.117.242.000đ (một tỷ một trăm mười bảy

triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng), trong đó tiền gốc 1.050.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 67.242.000đ (sáu mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29-8-2023, bị đơn ông Nguyễn Tất Q và bà Trần Thị Thúy Th kháng cáo chỉ đồng ý trả cho ông T 850.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của ông Q và bà Th trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ông Q và bà Th có ký vay của ông T số tiền 1.050.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có ký nhận nợ và hẹn đến ngày 01-12-2022 sẽ trả nhưng không thực hiện. Bị đơn cho rằng ông T có hứa giảm từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả 850.000.000 đồng nhưng không được ông T thừa nhận và ông Q, bà Th không có chứng cứ chứng minh. Bản án sơ thẩm buộc ông Q, bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T tổng số tiền gốc 1.050.000.000 đồng và tiền lãi 67.242.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Q, bà Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tất Q và bà Trần Thị Thúy Th đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ông Q và bà Th kháng cáo chỉ đồng ý trả cho ông T 850.000.000 đồng.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Tất Q và bà Trần Thị Thúy Th do bà Huỳnh Thị Kim N đại diện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Ông T yêu cầu ông Q, bà Th liên đới trả cho ông T số tiền gốc là 1.050.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 02 tháng 12 năm 2022 Âm lịch (Dương lịch là ngày 24 tháng 12 năm 2022) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16 tháng 8 năm 2023 là 7 tháng, 22 ngày mức lãi là 10%/năm. Xét thấy:

[4] Tại Giấy mượn tiền ngày 12 tháng 7 năm 2022 (Âm lịch), có nội dung: ông Nguyễn Văn T có cho ông Nguyễn Tất Q mượn 1.050.000.000 đồng làm thanh long, hẹn đến ngày 01-12-2022(AL) sẽ trả hết số tiền cho ông T. Ông Q, bà Th cũng thừa nhận chữ ký trên giấy mượn tiền do Q, bà Th ký. Do đó, có cơ sở xác định ông Q, bà Th có nợ ông T số tiền 1.050.000.000 đồng.

[5] Ông Q cho rằng ông có trả tiền cho T hai lần, cụ thể lần thứ nhất trả số tiền 200.000.000 đồng và lần thứ hai vào ngày 16-11-2021 trả số tiền 150.000.000 đồng. Nhưng bà N là người đại diện cho ông Q và bà Th tại phiên tòa sơ thẩm thừa nhận hai khoản này là trả cho số tiền 1.400.000.000 đồng mà ông Q và bà Th đã vay của ông T trước ngày 12-7-2022 nên ông Q và bà Th còn nợ lại số tiền 1.050.000.000 đồng. Ông Q, bà Th chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền gốc là 850.000.000 đồng và xin giảm toàn bộ tiền lãi nhưng không được ông T đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Q và bà Th.

[6] Ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Q, bà Th liên đới trả tiền lãi, thời gian tính lãi từ ngày 02 tháng 12 năm 2022 Âm lịch (Dương lịch là ngày 24 tháng 12 năm 2022) đến xét xử sơ thẩm là ngày 16 tháng 8 năm 2023 là 7 tháng, 22 ngày, mức lãi chậm trả là 0,83%/tháng, (0,027%/ngày), số tiền lãi được tính là 67.242.000 đồng. Xét thấy, bên ông T cho rằng cho vay không tính lãi; bên ông Q cho rằng lãi suất 7,5%/tháng nhưng hai bên không có chứng cứ chứng minh nên xác định đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và không có lãi. Nay ông T yêu cầu trả lãi do chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[7] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông Nguyễn Tất Q, bà Trần Thị Thúy Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T với số tiền gốc 1.050.000.000 đồng, tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 67.242.000 đồng, tổng số tiền 1.117.242.000 đồng là có căn cứ. Ông Q và bà Th kháng cáo chỉ đồng ý trả cho ông T 850.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Q và bà Th là có căn cứ.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Q và bà Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tất Q và bà Trần Thị Thúy Th;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số số 135/2023/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Nguyễn Tất Q và bà Trần Thị Thúy Th.

Buộc ông Nguyễn Tất Q, bà Trần Thị Thúy Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền là 1.117.242.000đ (một tỷ một trăm mười bảy triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng), trong đó tiền gốc 1.050.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 67.242.000đ (sáu mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 16.294.400đ (mười sáu triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) theo biên lai số 0006741 ngày 06 tháng 4 năm 2023 của cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành được nhận lại.

Ông Nguyễn Tất Q, bà Trần Thị Thúy Th phải liên đới chịu số tiền là 45.517.260đ (bốn mươi lăm triệu năm trăm mười bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tất Q và bà Trần Thị Thúy Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 600.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003639; biên lai số 0003640 cùng ngày 05-9-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu